

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/DS-ST

Ngày: 23 - 6 - 2023

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

2. Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-DS ngày 09/12/2022 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS ngày 09/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2023/QĐST-DS ngày 26/5/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T (VPBank);

Địa chỉ trụ sở: Số XX Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý của Ngân hàng (Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của ông Ngô Chí D);

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phan Huy M và ông Phạm Văn H - Cán bộ Xử lý nợ của Ngân hàng (Văn bản ủy quyền số 857/2023/UQ-VPB ngày 12/01/2023 của ông Phạm Tuấn A).

- Bị đơn:

1. Ông **Bùi Đức L**, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bà **Lê Thị Hồng N**, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

(Ông H có mặt. Ông L và bà N đều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:***

Ngày 21/6/2019, Ngân hàng và ông Bùi Đức L cùng vợ là bà Lê Thị Hồng N đã ký Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN 1906201474994. Theo đó: Ông L, bà N vay vốn của Ngân hàng số tiền 340.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 48 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 21/6/2019. Mục đích sử dụng vốn vay là hoàn vốn thanh toán tiền mua xe ô tô HUYNDAI COUNTY HD2013, số máy D4DDD530636. Phương thức cho vay từng lần. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,9%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Phương thức điều chỉnh lãi suất định kỳ: Lãi suất được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày 21/6/2019, sau 12 tháng lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm. Biên độ điều chỉnh 3,9%/năm. Bên vay phải trả nợ gốc và lãi cho bên ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 10, tổng cộng 48 kỳ. Số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là 7.083.333 đồng, riêng kỳ cuối trả 7.083.349 đồng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền phạt chậm trả lãi bằng lãi suất quá hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả bắt đầu từ ngày quá hạn đến khi thanh toán hết nợ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 xe ô tô khách nhãn hiệu HUYNDAI COUNTY HD 29E3, biển số đăng ký 17B - 020.XX, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0252XX do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 05/6/2019 mang tên chủ xe Bùi Đức L. Chi tiết Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1906201474994 ngày 21/6/2019 giữa Ngân hàng với ông L, bà N. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Ngày 21/6/2019, tài sản thế chấp đã được đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Trên cơ sở Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp xe ô tô hai bên đã ký kết, ngày 21/6/2019 Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân số tiền vay 340.000.000 đồng cho ông L, bà N theo số tài khoản 106000294769 tại Ngân hàng Viettinbank theo ủy nhiệm chi từ ông L.

Quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu ông L, bà N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo thông báo của Ngân hàng, theo đó, tính đến hết ngày 08/01/2021, ông L, bà N đã trả được Ngân hàng số tiền nợ gốc là 159.232.680 đồng, nợ lãi là 55.682.301 đồng. Từ ngày 11/5/2021, ông L, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nên toàn bộ khoản vay của ông L, bà N đã bị chuyển nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thoả thuận trong hợp đồng kể từ thời điểm trên. Tính đến ngày xét xử, ngày 23/6/2023, ông L, bà N còn phải trả Ngân hàng tổng số tiền là 249.241.174 đồng, trong đó nợ gốc là 180.767.320 đồng, nợ lãi là 68.473.854. Đối với số tiền lãi phạt, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ Ngân hàng đã rút yêu cầu buộc ông L, bà N phải trả khoản tiền này và không buộc phải trả tiền phạt chậm trả kể từ ngày tiếp theo cho đến ngày ông L, bà N thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, tại phiên toà, Ngân hàng vẫn giữ nguyên việc rút đối với yêu cầu này.

Nay, Ngân hàng đề nghị Toà án giải quyết các nội dung sau:

- Buộc ông L, bà N phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng đã ký, dư nợ tạm

tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/6/2023 tổng số tiền là 249.241.174 đồng, trong đó nợ gốc là 180.767.320 đồng, nợ lãi là 68.473.854.

- Buộc ông L, bà N phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô cho đến ngày thực tế ông L, bà N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

- Trong trường hợp ông L, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô khách nhãn hiệu HUYNDAI COUNTY HD 29E3, biển số đăng ký 17B - 020.XX, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0252XX do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 05/6/2019 mang tên chủ xe Bùi Đức L để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

- Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ để trả nợ toàn bộ khoản vay, ông L, bà N có nghĩa vụ phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực tế thanh toán hết khoản nợ.

**** Đối với bị đơn ông Bùi Đức L, bà Lê Thị Hồng N:***

Tòa án đã giao trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án cho đại diện gia đình ông L, bà N; Toà án cũng đã giao trực tiếp, gửi hợp lệ qua đường bưu điện và niêm yết các văn bản tố tụng khác cho ông L, bà N theo quy định của pháp luật nhưng ông L, bà N không đến Tòa án nộp bản tự khai, không trình bày ý kiến, quan điểm trong vụ án, không giao nộp tài liệu, chứng cứ Tòa án yêu cầu.

**** Tại biên bản xác minh ngày 16/02/2023, đại diện UBND và đại diện Công an xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Ông Bùi Đức L hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình và là con của ông Bùi Văn T. Ông L đi làm xa, không thường xuyên có mặt tại địa phương, lần ông L về địa phương gần nhất là khoảng giữa tháng 01/2023. Năm 2011, ông L, bà N đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Ngày 16/7/2011 bà N chuyển đăng ký hộ khẩu về thôn L, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình đến ngày 30/9/2022 bà N đã làm thủ tục chuyển đăng ký hộ khẩu về xã T, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

**** Tại biên bản xác minh ngày 15/03/2023, Công an xã T, huyện TH, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Bà Lê Thị Hồng N là con ông Lê Văn T và bà Phạm Thị T. Bà N có chồng là ông Bùi Đức L ở tại huyện V, tỉnh Thái Bình. Từ tháng 9 năm 2022, bà N chuyển về đăng ký hộ khẩu thường trú tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã T, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 117, 119, 357, 303, 304 và Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 7, 8, 12, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông L, bà N. Buộc ông L, bà N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 180.767.320 đồng và số tiền nợ lãi (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn) theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Tiền lãi đối với khoản vay được tiếp tục tính kể từ ngày tuyên án cho đến khi ông L, bà N thực tế thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông L, bà N phải trả khoản tiền phạt chậm trả. Chấp nhận Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô khách nhãn hiệu HUYNDAI COUNTY HD 29E3 mang BKS 17B-020.XX để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ để trả nợ

toàn bộ khoản vay, ông L, bà N có nghĩa vụ phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực tế thanh toán hết khoản nợ. Ông L, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô được ký kết giữa Ngân hàng đối với ông L, bà N. Ông L, bà N vay tiền với tư cách cá nhân, mục đích để thanh toán tiền mua xe ô tô. Khi ký kết hợp đồng, ông L, bà N đều cư trú tại xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự, loại tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Bị đơn ông L, bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt ông L, bà N.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu Ngân hàng về việc đề nghị Tòa án buộc ông L, bà N phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng hai bên đã ký kết, thấy: Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1906201474994 ngày 21/6/2019 giữa Ngân hàng và ông L, bà N được ký kết trên cơ sở tự nguyện, chủ thể ký kết hợp đồng là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ thẩm quyền ký kết theo quy định của pháp luật, nội dung của hợp đồng tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự, Luật các Tổ chức tín dụng, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, do đó, hợp đồng trên là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật. Sau khi ký kết hợp đồng, ngày 21/6/2019

Ngân hàng đã giải ngân cho ông L, bà N số tiền vay 340.000.000 đồng theo số tài khoản 106000294769 tại Ngân hàng ViettinBank theo ủy nhiệm chi từ ông L. Quá trình thực hiện hợp đồng, kể từ thời điểm vay đến hết ngày 08/01/2021, ông L, bà N đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 159.232.680 đồng, nợ lãi là 55.682.301 đồng. Từ ngày 11/5/2021, ông L, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử, ngày 23/6/2023, ông L, bà N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 180.767.320 đồng, nợ lãi là 68.473.854, tổng cộng là: 249.241.174 đồng. Xét thấy, việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của ông L, bà N là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Ngân hàng, do vậy, yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông L, bà N phải thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng hai bên đã ký kết và buộc ông L, bà N phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp xe ô tô kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày ông L, bà N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 117, 119, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự, Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng, các Điều 7, 8 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện trên của Ngân hàng.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay trong trường hợp ông L, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ với Ngân hàng, thấy: Để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN 1906201474994 ngày 21/6/2019, ông L, bà N đã thế chấp 01 xe ô tô khách nhãn hiệu HUYNDAI COUNTY HD 29E3, biển số đăng ký 17B - 020.XX, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0252XX do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 05/6/2019 mang tên chủ xe Bùi Đức L. Xét thấy, tài sản dùng thế chấp thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp, việc ký kết là tự nguyện, chi tiết theo hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, do đó, hợp đồng thế chấp là hợp pháp, có hiệu lực thi hành. Yêu cầu của Ngân

hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp pháp luật, căn cứ các Điều 303, 304 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu thanh toán lãi phạt chậm trả của khoản vay, số tiền là 7.976.457 đồng, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên toà, Ngân hàng rút yêu cầu buộc ông L, bà N phải trả khoản tiền này và không buộc phải trả tiền phạt chậm trả kể từ ngày tiếp theo cho đến ngày ông L, bà N thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông L, bà N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn được Toà án chấp nhận, số tiền cụ thể là $249.241.174 \text{ đồng} \times 5\% = 12.462.000 \text{ đồng}$ (sau khi làm tròn số).

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự; các Điều 117, 119, 357, 303, 304, 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; các Điều 7, 8 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 24, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với ông Bùi Đức L, bà Lê Thị Hồng N.

2. Về nghĩa vụ trả nợ và xử lý tài sản bảo đảm:

2.1. Buộc ông Bùi Đức L, bà Lê Thị Hồng N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN 1906201474994 ngày 21/6/2019 hai bên đã ký kết. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/6/2023) là 249.241.174 đồng (hai trăm bốn mươi chín triệu hai trăm bốn một nghìn một trăm bảy mươi tư đồng), trong đó nợ gốc là 180.767.320 đồng, nợ lãi là 68.473.854 đồng.

2.2. Kể từ ngày kế tiếp ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/6/2023) ông Bùi Đức L, bà Lê Thị Hồng N còn phải tiếp tục chịu trả toàn bộ các khoản nợ lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN 1906201474994 ngày 21/6/2019 hai bên đã ký kết cho đến ngày thực tế ông L, bà N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

2.3. Trường hợp ông Bùi Đức L, bà Lê Thị Hồng N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ với Ngân hàng TMCP Việt Nam T thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô khách nhãn hiệu HUYNDAI COUNTY HD 29E3, biển số đăng ký 17B - 020.XX, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 05/6/2019 mang tên chủ xe Bùi Đức L, để thu hồi khoản nợ vay.

2.4. Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ để trả nợ toàn bộ khoản vay, ông Bùi Đức L, bà Lê Thị Hồng N có nghĩa vụ phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T đến khi thực tế thanh toán hết khoản nợ.

2.5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam T về việc buộc ông Bùi Đức L, bà Lê Thị Hồng N phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi đến ngày 23/6/2023 là 7.976.457 đồng và tiền phạt chậm trả kể từ ngày tiếp theo cho đến ngày ông L, bà N thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí:

3.1. Ngân hàng TMCP Việt Nam T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0001380 đề ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình.

3.2. Ông Bùi Đức L, bà Lê Thị Hồng N phải nộp 12.462.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/6/2023). Ông Bùi Đức L, bà Lê Thị Hồng N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương